

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

TECHCOM CAPITAL 

BẢN CÁO BẠCH
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TECHCOM (TCBF)

CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ
TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG



Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TECHCOM (TCBF)

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số: 29/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/06/2015

BẢN CÁO BẠCH QUỸ MỞ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG

Bản cáo bạch này được cung cấp tại:

Công ty TNHH Quản lý quỹ Kỹ thương - TechcomCapital (“TCC”)

Địa chỉ : Tầng 10, tòa nhà Techcombank Tower, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (84-4) 39446368 Fax: (84-4) 39446583

Website : www.techcomcapital.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Ông : **Đặng Lưu Dũng – Giám đốc**

Địa chỉ : Công ty TNHH Quản lý quỹ Kỹ thương

Tầng 10, tòa nhà Techcombank Tower, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (84-4) 39446368 Fax: (84-4) 39446583

Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 do Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày / /2016.

THÔNG BÁO QUAN TRỌNG

Các nhà đầu tư nên nghiên cứu Bản Cáo Bạch này một cách cẩn trọng và toàn diện và không nên coi nội dung hoặc các tóm tắt ở đây là các tư vấn liên quan đến pháp lý, thuế, hoặc tài chính/đầu tư và nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn của mình về các yêu cầu pháp lý hoặc các điều kiện hoặc bất kỳ các hạn chế nào khác liên quan đến việc đăng ký mua, mua, cho tặng, nắm giữ, định đoạt (chuyển nhượng; chuyển đổi quỹ hoặc bán hoặc chuyển đổi thành tiền) các Đơn Vị Quỹ, việc xử lý khoản thu nhập (nếu có), lợi nhuận đầu tư, hoặc các khoản phân phối lợi nhuận, các khoản thuế khác liên quan đến việc đăng ký mua, mua, cho tặng, nắm giữ, định đoạt (bán, chuyển giao, chuyển đổi quỹ hoặc bán hoặc chuyển đổi thành tiền) các Đơn Vị Quỹ trong phạm vi lãnh thổ tài phán áp dụng đối với quốc tịch, nơi cư trú của mình hoặc theo luật pháp của bất kỳ quốc gia hay lãnh thổ nào áp dụng cho Nhà Đầu Tư hoặc bất kỳ quỹ được quản lý nào được sử dụng để mua Đơn Vị Quỹ, và xác định các vấn đề có thể phát sinh liên quan đến pháp lý, thuế, tài chính hay các vấn đề khác từ việc mua và nắm giữ Đơn Vị Quỹ trước khi quyết định đăng ký mua Đơn Vị Quỹ.

Bản Cáo Bạch này và Các Đơn Vị Quỹ chưa được đăng ký ở bất kỳ lãnh thổ tài phán nào ngoài Việt Nam. Việc công bố Bản Cáo Bạch này tại một số lãnh thổ tài phán có thể bị hạn chế hoặc phải tuân thủ các yêu cầu về đăng ký. Theo đó ở một số nước, người đọc Bản Cáo Bạch cần phải hiểu và phải tuân thủ các hạn chế đó. Người nhận được Bản Cáo Bạch này hoặc bất kỳ Đơn Đăng Ký nào tại lãnh thổ tài phán nói trên không được coi Bản Cáo Bạch này hay Đơn Đăng Ký cấu thành bản chào mua Đơn Vị Quỹ hay sử dụng Đơn Đăng Ký trong bất kỳ trường hợp nào, trừ khi tại lãnh thổ tài phán đó bản chào như thế tới họ có thể được coi là hợp pháp và Đơn Đăng Ký có thể được sử dụng một cách hợp pháp mà không cần phải tuân thủ bất kỳ yêu cầu đăng ký hoặc yêu cầu pháp lý nào khác.

Không người nào được ủy quyền để cung cấp bất kỳ thông tin hoặc đưa ra bất kỳ tuyên bố nào không được xác nhận trong Bản Cáo Bạch này liên quan đến đợt phát hành này hay việc phát hành các Đơn Vị Quỹ, và bất kỳ thông tin hoặc tuyên bố nào không có trong Bản Cáo Bạch này không được dựa vào như là đã được phê duyệt bởi TechcomCapital. Nhà Đầu Tư được yêu cầu phải kiểm tra các thông tin về uy tín của cá nhân/công ty mà mình ủy thác Đơn Đăng Ký và ủy thác thanh toán cho bất kỳ giao dịch nào với Quỹ. Quỹ hoặc TechcomCapital không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hành vi được thực hiện bởi các tổ chức trung gian đại diện cho hoặc được cho là đại diện cho Nhà Đầu Tư đó.

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
1. Công ty quản lý quỹ	6
2. Ngân hàng giám sát.....	6
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA	6
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ	10
1. Lợi thế của quỹ mở	10
2. Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô.....	10
3. Thị trường trái phiếu Việt Nam	14
IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ TECHCOMCAPITAL	17
1. Các thông tin chung về TechcomCapital	17
2. Hội đồng thành viên TechcomCapital.....	17
3. Ban điều hành TechcomCapital.....	18
V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	18
VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN.....	18
VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	18
VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN	19
1. Ủy quyền đại lý chuyển nhượng.....	19
2. Ủy quyền dịch vụ quản trị quỹ đầu tư.....	19
IX. THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TECHCOM (TCBF).....	19
1. Thông tin chung về Quỹ.....	19
2. Điều lệ Quỹ tóm tắt.....	19
3. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ	22
4. Các loại phí và chi phí.....	31
5. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	34
6. Phân phối lợi nhuận và chính sách thuế.....	35
7. Đại hội Nhà đầu tư.....	35
8. Ban Đại diện Quỹ dự kiến.....	36
9. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ	37
X. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ LẦN ĐẦU.....	39
1. Cơ sở pháp lý.....	39
2. Thông tin về đợt phát hành lần đầu ra công chúng	40
XI. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	41
XII. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	41

1. Báo cáo cho Nhà Đầu Tư	42
2. Báo cáo Quỹ	42
3. Báo cáo bất thường	42
4. Gửi báo cáo tới Nhà Đầu Tư	42
5. Báo cáo gửi tới cơ quan có thẩm quyền	42
XIII. THÔNG TIN LIÊN LẠC	42
XIV. CAM KẾT	42
XV. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	43
PHỤ LỤC	44

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty quản lý quỹ

Ông Hồ Hùng Anh

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Đặng Lưu Dũng

Chức vụ: Giám đốc

Bà Phan Thị Thu Hằng

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý. Tuy vậy, thông tin trong Bản Cáo Bạch này chưa được thẩm định bởi bất kỳ bên nào khác ngoại trừ như được đề cập tại Bản Cáo Bạch này.

2. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Đại diện theo pháp luật: NIRUKT NARAIN SAPRU

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty TNHH Quản lý quỹ Kỹ thương (Techcom Capital – “TCC”) lập. Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng Giám sát của Quỹ Đầu tư trái phiếu Techcom (TCBF) sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ Giám Sát Quỹ được ký kết giữa chúng tôi với Công ty TNHH Quản lý quỹ Kỹ thương, là công ty quản lý Quỹ Đầu tư trái phiếu Techcom và theo quy định của pháp luật. Chúng tôi tin rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng bởi TCC và các bên khác có trách nhiệm theo luật định.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

“AML”	nghĩa là phòng chống rửa tiền.
“Bản Cáo Bạch”	là tài liệu này, các phụ lục kèm theo và những hiệu chỉnh hợp lệ (nếu có) sau đó bởi TCC, cung cấp và công khai chính xác, trung thực và khách quan các thông tin về Quỹ TCBF và các thông tin liên quan đến việc chào bán, phát hành và giao dịch Chứng Chỉ Quỹ TCBF.
“Ban Đại Diện Quỹ”	là một ban được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để đại diện cho các Nhà Đầu Tư nhằm mục đích giám sát hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Chứng Chỉ Quỹ”	là chứng khoán do TCC đại diện Quỹ TCBF phát hành dưới dạng ghi sổ hoặc bút toán, là bằng chứng về quyền hợp pháp của Nhà Đầu Tư đối với tài sản hay vốn của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ do Nhà Đầu Tư nắm giữ.
“Cổ Tức của Quỹ”	là các khoản lợi nhuận còn lại của mà Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được phân phối cho Nhà Đầu Tư tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ, và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.

“Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương”	là công ty được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 40/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008 và Giấy phép điều chỉnh người đại diện số 48/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/09/2012 hoặc bất kỳ Công ty quản lý quỹ nào khác được chỉ định thay thế. Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương được ủy thác quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom.
“Công Ty Quản Lý Quỹ”	là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương như mô tả ở mục IV.1. của Bản Cáo Bạch này.
“Công Ty Kiểm Toán”	là công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ được Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định.
“Đại lý Chuyển Nhượng”	có nghĩa là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam như mô tả tại mục VIII.1. của Bản Cáo Bạch này do Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền thực hiện dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.
Đại Lý Ký Danh	là đại lý phân phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ thay mặt cho các nhà đầu tư tại sở phụ. Chi tiết hoạt động của Đại Lý Ký Danh được quy định tại điều 45 của Điều Lệ
“Đại Lý Phân Phối”	là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở và được Công ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm đại lý phân phối..
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	là cuộc họp của những Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết của Quỹ được tổ chức định kỳ hay bất thường để thông qua các vấn đề của Quỹ cần có sự quyết định của những Nhà Đầu Tư. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ.
“Điểm Nhận Lệnh”	là trụ sở chính của Đại Lý Phân Phối hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà Đầu Tư như quy định tại mục VII và Phụ Lục 1 của Bản Cáo Bạch này.
“Điều Lệ”	là điều lệ, các phụ lục kèm theo quy định cơ chế và các sửa đổi hợp pháp (nếu có) quy định quy chế quản lý cho Quỹ TCBF.
“Đơn Đăng Ký”	là đơn đăng ký mở tài khoản giao dịch Đơn Vị Quỹ.
“Đơn Vị Quỹ”	là vốn Điều Lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau khi kết thúc đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ và có một quyền biểu quyết.
“VNĐ”	là tiền tệ hợp pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
“DPP”	là lựa chọn nhận cổ tức bằng tiền như được mô tả chi tiết tại mục IX.6.1.
“DRIP”	là lựa chọn tái đầu tư cổ tức như được mô tả chi tiết tại mục IX.6.1.

“Đầu Tư Định Kỳ”	là kế hoạch đầu tư định kỳ tức là kế hoạch đầu tư vào Quỹ theo một chu kỳ đều đặn như được mô tả chi tiết ở mục IX.3.9. của Bản Cáo Bạch này
“NAV”	là giá trị tài sản ròng, được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ được tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
“HNX”	là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
“HNX Index”	là chỉ số chứng khoán của HNX.
“HSX”	là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
“Hệ Thống Kế Toán Việt Nam”	là hệ thống kế toán quy định bởi Bộ Tài Chính của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quy định áp dụng cho các công ty được thành lập tại Việt Nam.
“Hợp Đồng Giám Sát”	là hợp đồng được ký kết giữa TCC và Ngân Hàng Giám Sát.
“IPO”	là phát hành lần đầu ra công chúng tức là khi Đơn Vị Quỹ được chào bán công khai ra công chúng lần đầu tiên.
“KYC”	là nhận biết và tìm hiểu khách hàng.
“Lệnh Bán”	là lệnh của Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ mua lại một phần hay tất cả Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư sở hữu.
“Lệnh Bán Được Chấp Nhận”	là Lệnh Bán được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán được xác nhận sở hữu bởi Nhà Đầu Tư đó.
“Lệnh Mua”	là lệnh của Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ phát hành Đơn Vị Quỹ.
“Lệnh Mua Được Chấp Nhận”	là Lệnh Mua được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua được chấp nhận và tiền mua được xác nhận đã nhận được.
“Lệnh Chuyển Nhượng”	là lệnh của Nhà Đầu Tư chuyển nhượng quyền sở hữu một số lượng xác định Đơn Vị Quỹ cho người khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của tòa án.
“Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận”	là Lệnh Chuyển Nhượng được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ được chuyển nhượng được xác nhận sở hữu bởi Nhà Đầu Tư đó.
“Lệnh Chuyển Đổi Quỹ”	là lệnh của Nhà Đầu Tư yêu cầu bán một phần hay tất cả các Đơn Vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác.
“Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận”	Là Lệnh Chuyển Đổi Quỹ được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ bán được xác nhận sở hữu bởi Nhà Đầu Tư đó.

“Lệnh Được Chấp Nhận”	là từng Lệnh Bán Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận hoặc là một nhóm lệnh bao gồm các lệnh trên trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.
“Luật” hay “Pháp Luật”	là luật hay pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
“Năm Tài Chính”	là giai đoạn 12 (mười hai) tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày SSC cấp giấy phép thành lập của Quỹ đó đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó, trừ khi thời gian còn lại của năm đầu tiên ít hơn 3 (ba) tháng, trong trường hợp đó, năm tài chính đầu tiên sẽ kết thúc vào ngày 31/12 của năm sau.
“Ngày Làm Việc”	là ngày thị trường chứng khoán mở cửa giao dịch tại Việt Nam.
“Ngày Định Giá”	Là ngày mà Công ty Quản Lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ. Ngày định giá là: - Ngày giao dịch (để phục vụ cho việc tính giá phát hành và giá mua lại); và - Ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.
“Ngày Giao Dịch”	là ngày định giá mà công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ mở.
“Ngân Hàng Giám Sát”	là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), một ngân hàng thương mại được thành lập theo Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015, thực hiện các nghiệp vụ (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 35 của Điều lệ.
“Nhà Đầu Tư”	là cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ và được đăng ký tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư.
“Ngày Chốt Danh Sách”	là ngày mà các Nhà Đầu Tư được ghi nhận trên Sổ Đăng Ký được xem là đủ điều kiện tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư, nhận cổ tức và các hoạt động khác của Quỹ.
“Quỹ”	là Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Techcom (TCBF) được mô tả trong Bản Cáo Bạch này.

“Số Đăng Ký”	là tài liệu ghi nhận thông tin về mỗi Nhà Đầu Tư.
“SSC” hay “UBCKNN”	là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước của Việt Nam.
“Thời Điểm Đóng số Lệnh”	là thời điểm cuối cùng các lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ nhận được tại Đại Lý Phân Phối được thực hiện tại Ngày Giao Dịch, như quy định chi tiết tại mục IX.3.2. của Bản Cáo Bạch này.
“Vốn Điều Lệ”	là tổng số vốn bằng tiền do các Nhà Đầu Tư thực góp trong đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ
“VN Index”	là chỉ số chứng khoán của HSX.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như mô tả trong Luật áp dụng theo từng hoàn cảnh sử dụng của Điều Lệ hoặc của Bản Cáo Bạch này.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Lợi thế của quỹ mở

Quỹ mở là một kênh đầu tư tương đối mới mẻ đối với các nhà đầu tư cá nhân tại Việt Nam nhưng được dự báo sẽ trở thành một xu thế trong tương lai gần. Đầu tư vào quỹ mở có nhiều ưu điểm so với đầu tư chứng khoán riêng lẻ hay đầu tư vào các loại hình quỹ khác như quỹ đóng, quỹ ETFs hay quỹ tín thác:

- *Đa dạng hóa danh mục đầu tư:* Nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ mở nghĩa là đang đầu tư vào một danh mục bao gồm các loại chứng khoán không tương quan, qua đó góp phần đa dạng hóa rủi ro với chi phí thấp hơn so với đầu tư riêng lẻ vào từng loại chứng khoán.
- *Quản lý tài sản chuyên nghiệp:* Nhà đầu tư được tiếp cận với dịch vụ quản lý tài sản chuyên nghiệp bởi các chuyên gia nhiều kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn cao về đầu tư và quản trị danh mục đầu tư. Nhờ đó, nhà đầu tư có thể đạt được hiệu quả đầu tư cao hơn mà không tốn nhiều thời gian.
- *Tính thanh khoản cao:* Lợi thế của quỹ mở so với quỹ đóng là định kỳ phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ. Do đó, nhà đầu tư có thể linh hoạt bỏ tiền vào hoặc rút tiền ra bằng cách giao dịch với quỹ vào ngày được quy định.
- *Giá mua/bán chứng chỉ quỹ không biến động ngoài giá trị tài sản ròng như quỹ đóng niêm yết:* Quỹ mở cho phép nhà đầu tư được mua/bán chứng chỉ quỹ với giá mua/bán chính bằng giá trị tài sản ròng của quỹ vào ngày giao dịch cộng với phí phát hành/trừ đi phí mua lại, phí chuyển tiền và thuế (nếu có).
- *Tính linh hoạt của “gia đình quỹ”:* Thông thường, quỹ mở là một phần của “gia đình quỹ” mà công ty quản lý quỹ sở hữu. Do đó, nhà đầu tư có thể dễ dàng chuyển từ quỹ này sang quỹ khác khi mục tiêu đầu tư thay đổi với chi phí thấp hơn so với việc chuyển đổi đầu tư chứng khoán riêng lẻ.

2. Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô

Nền kinh tế Việt Nam nhìn chung đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất kể từ thời kỳ hậu khủng hoảng kinh tế thế giới 2008. GDP tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trong năm 2014, lạm phát được kiềm chế ở mức thấp, tỷ giá ổn định và mặt bằng lãi suất giảm mạnh là những dấu hiệu rõ nét cho thấy kinh tế đang phục hồi và mở ra triển vọng của một chu kỳ tăng trưởng mới.

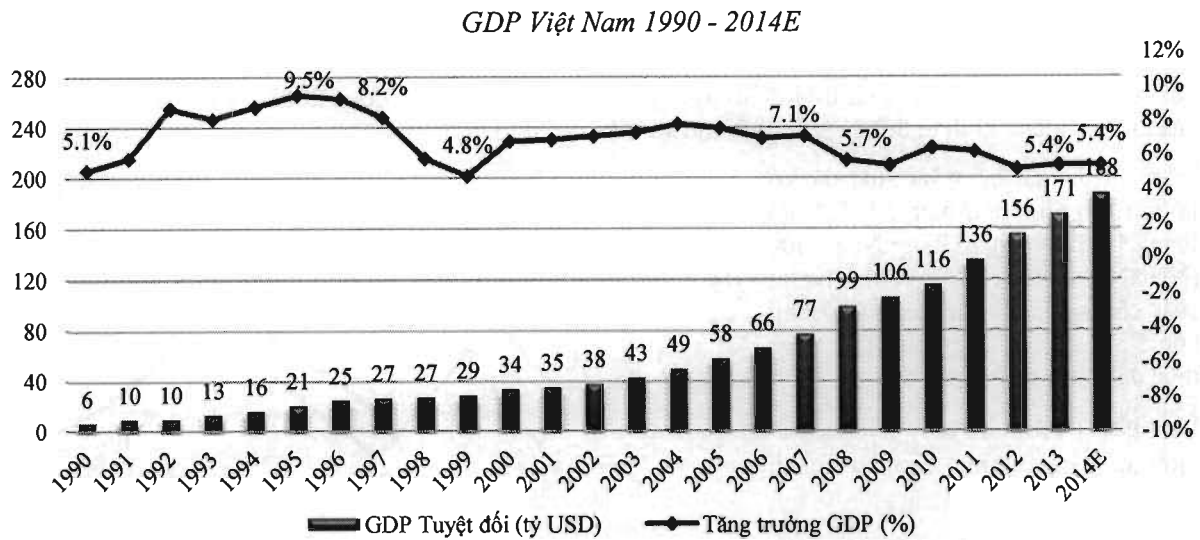
Tăng trưởng GDP có xu hướng phục hồi trở lại.

Giai đoạn 2008 – 2012, nền kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng trưởng chậm, số doanh nghiệp giải thể phá sản tăng mạnh, hàng tồn kho lớn, tỷ lệ nợ xấu cao, lãi suất cho vay tăng mạnh vượt mức sinh lợi của doanh nghiệp.

Nhờ vào những nỗ lực điều hành kinh tế vĩ mô thông qua các chính sách tiền tệ thắt chặt, kích cầu và tái cơ cấu nền kinh tế của Chính phủ, những tín hiệu hồi phục đã xuất hiện từ cuối năm 2013, tăng trưởng

GDP cả năm tăng lên mức 5,4% so với mức 5,2% của năm 2012. Mức tăng này chủ yếu đến từ khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ với mức đóng góp lần lượt là 2,09 và 2,85 điểm phần trăm.

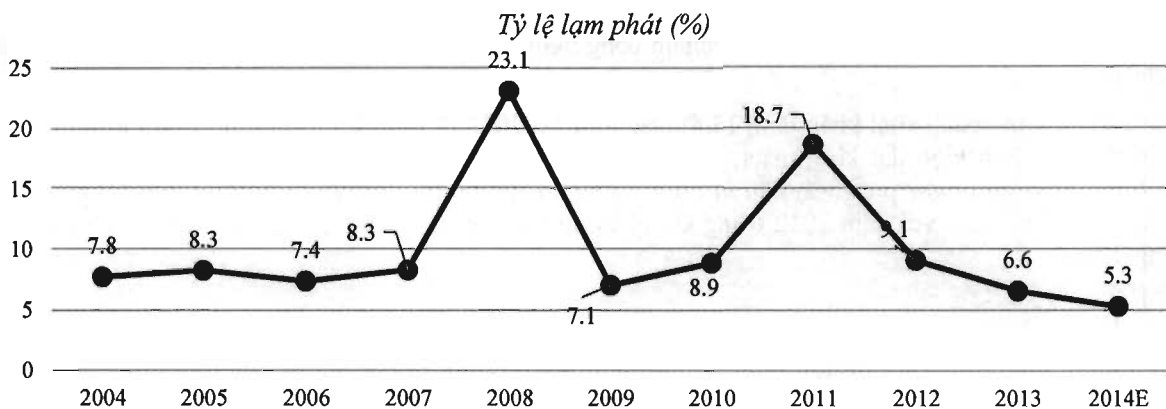
Qua 9 tháng đầu năm 2014, tăng trưởng GDP tiếp tục giữ được xu hướng phục hồi, tăng 5,62% so với cùng kỳ 9T2013. Trong đó, khu vực Công nghiệp và xây dựng đóng góp nhiều nhất (tăng 6,42%, đóng góp 2,46 điểm phần trăm), khu vực Dịch vụ đóng góp 2,62 điểm phần trăm, còn lại là khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản.



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, TechcomCapital

Tỷ lệ lạm phát ở mức thấp nhất trong 10 năm qua.

Việt Nam đã trải qua giai đoạn khó khăn trong 6 năm qua, khi lạm phát tăng phi mã và từng lên đến mức 2 con số vào năm 2008 và 2011, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, cùng những bất cập trong nội tại nền kinh tế.



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, TechcomCapital

Chính phủ đã thực hiện các bước đi mạnh mẽ để nhằm mục tiêu kiềm chế lạm phát, bao gồm chính sách tiền tệ linh hoạt, chính sách tài khóa chặt chẽ, điều hành lãi suất phù hợp, kiểm soát dư nợ tín dụng và bảo đảm chất lượng tín dụng, điều hành hiệu quả tỷ giá, thị trường ngoại hối, thị trường vàng, bảo đảm giá trị đồng tiền Việt Nam, đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, tăng dự trữ ngoại hối, thúc đẩy phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán,... lạm phát đã có dấu hiệu giảm tốc rõ rệt, chỉ số CPI năm 2012 chỉ còn tăng 9,09% so với năm 2011 và trở về mức 6,59% vào cuối năm 2013.

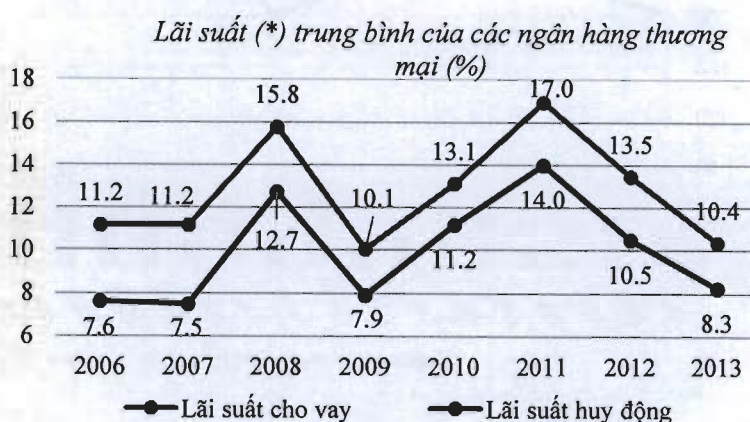
Tháng 10/2014, CPI chỉ tăng 3,23% so với cùng kỳ 2013 và tăng 2,36% so với đầu năm (là mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm qua).

Mặt bằng lãi suất trở về mức ổn định.

Lãi suất ngân hàng đã từng có thời điểm bị đẩy lên rất cao trong giai đoạn 2008 – 2011 do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế đến từ lạm phát cao và hiệu quả đầu tư thấp.

Năm 2013, mặt bằng lãi suất đã trở lại mức ổn định như năm 2007. Cuối tháng 10/2014, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục hạ trần huy động lãi suất các kỳ hạn ngắn từ 6% xuống còn 5,5%, tạo cơ hội giảm lãi vay và thúc đẩy tăng trưởng tín dụng.

Lạm phát thấp đi kèm với lãi suất ổn định là bằng chứng cho sự thành công trong việc điều hành chính sách tiền tệ của Việt Nam, củng cố niềm tin vào một kỳ tăng trưởng mới.



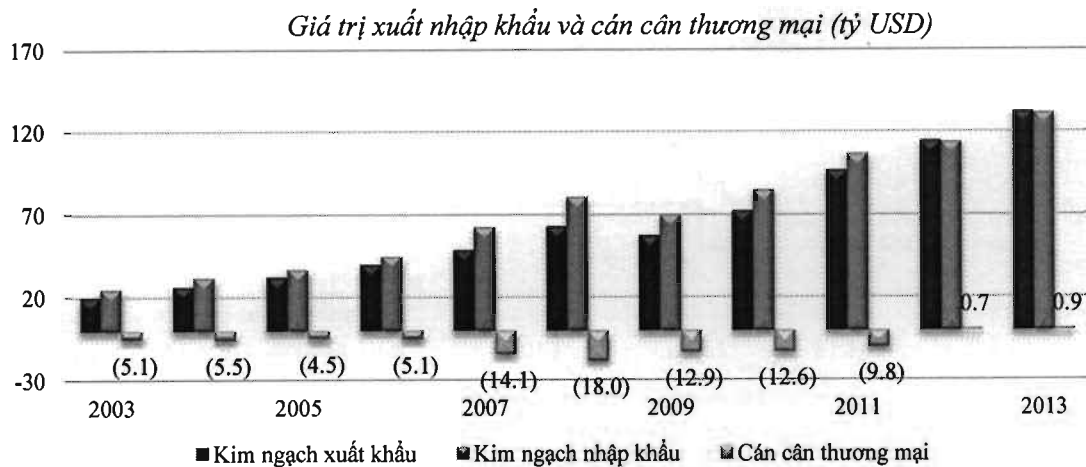
(*) Kỳ hạn một năm

Nguồn: Ngân hàng Thế giới, TechcomCapital

Xuất khẩu tăng mạnh, Việt Nam lần đầu tiên có vị thế xuất siêu.

Kể từ khi chính thức gia nhập WTO, xuất khẩu Việt Nam đã liên tục duy trì mức tăng trưởng cao với mức tăng trung bình là 20,55% trong giai đoạn 2007-2011. Cơ cấu xuất khẩu chuyển dịch dần từ sản phẩm thô (dầu mỏ, than đá, cao su, gạo) sang sản phẩm công nghiệp chế biến và các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao.

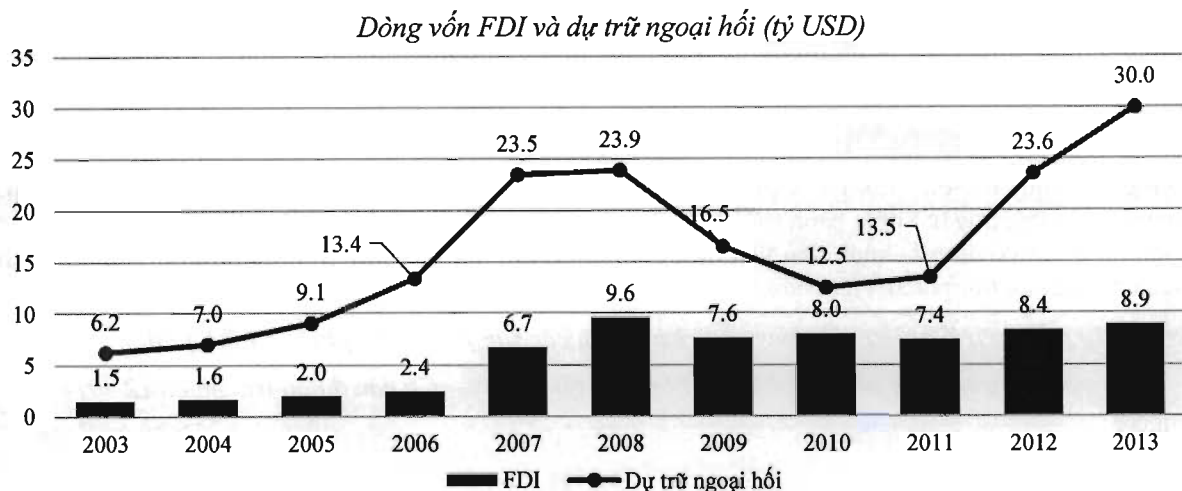
Năm 2013, kim ngạch xuất khẩu tăng 15,4% so với năm 2012. Trong đó, 2 lĩnh vực xuất khẩu lớn nhất là điện thoại & linh kiện đạt kim ngạch 21,5 tỷ USD, tăng 69,2%; hàng dệt may đạt 17,9 tỷ USD, tăng 18,6%. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm vai trò lớn với việc đóng góp 2/3 giá trị xuất khẩu, tăng 26,8% so với năm 2012 trong khi tỷ trọng của các doanh nghiệp trong nước là 33% với mức tăng 3,5%.



Nguồn: Tổng cục Hải quan, TechcomCapital

Đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI tăng mạnh. Dự trữ ngoại hối đạt mức kỷ lục.

Mức đầu tư nước ngoài tăng lên đáng kể trong suốt 6 năm từ khi Việt Nam gia nhập WTO. Năm 2013, các doanh nghiệp FDI đã có những đóng góp ấn tượng trong tăng trưởng kinh tế và xuất nhập khẩu, đóng góp vào ngân sách nhà nước tăng gấp 9 lần so với năm 2000.

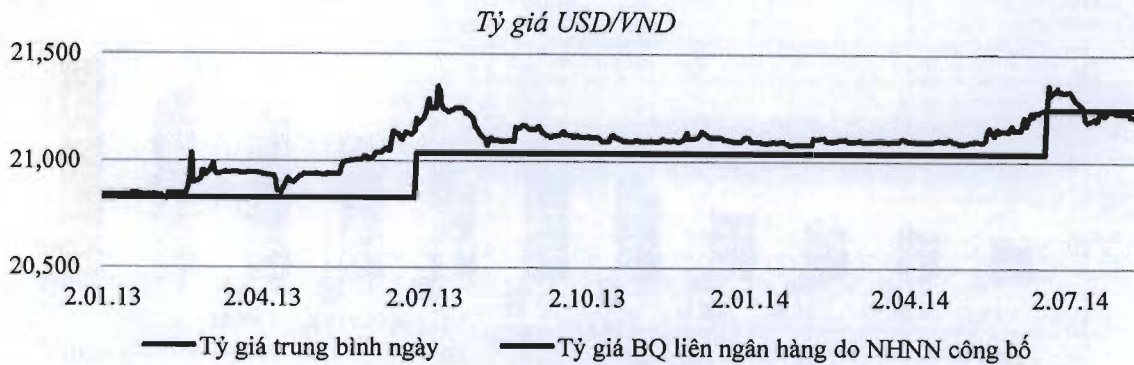


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước, TechcomCapital

Cơ cấu FDI đã dịch chuyển từ lĩnh vực bất động sản và giải trí trước đây sang lĩnh vực công nghiệp và xây dựng. Năm 2013, có đến 73% doanh nghiệp FDI hoạt động trong lĩnh vực này.

Mức dự trữ ngoại hối của Việt Nam tăng nhanh, từ 6,5 tuần nhập khẩu vào cuối năm 2011 lên 12 tuần nhập khẩu cuối 2013. Đến hết tháng 9/2014, NHNN thông báo dự trữ ngoại hối đạt mức cao nhất từ trước đến nay, ở mức 35 tỷ USD, đóng góp không nhỏ vào công tác điều hành tỷ giá.

Tỷ giá hối đoái được giữ ổn định.

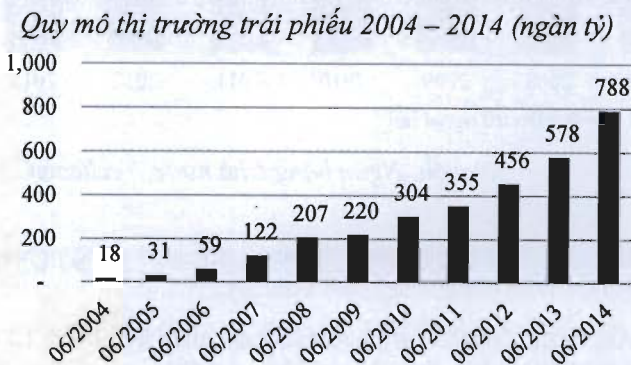


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Cán cân thương mại thặng dư, đi kèm với lượng dự trữ ngoại hối tăng nhanh, đã giúp NHNN duy trì tỷ giá ổn định trong suốt năm 2013 và nửa đầu năm 2014. Sau quyết định điều chỉnh tỉ giá lên 1% để hỗ trợ xuất khẩu của NHNN vào giữa tháng 6/2014, tỷ giá giao dịch trên thị trường liên ngân hàng và tại các ngân hàng thương mại tăng nhẹ, nhưng vẫn thấp hơn mức trần quy định. Tỷ giá VND/USD được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì ổn định trong thời gian tới do được hỗ trợ từ dự trữ ngoại hối đạt mức kỷ lục 35 tỷ USD và vốn FDI giải ngân vẫn duy trì xu hướng tăng đạt 8,9 tỷ USD tính tới hết tháng 9/2014.

3. Thị trường trái phiếu Việt Nam

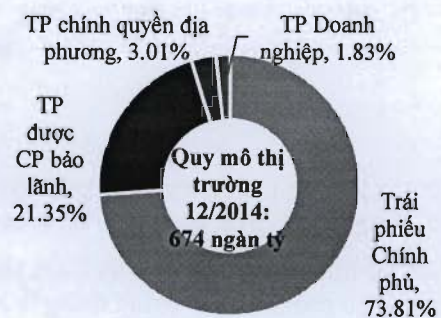
Nhìn chung, quy mô thị trường trái phiếu của Việt Nam còn nhỏ, chủ yếu tập trung ở các sản phẩm trái phiếu Chính phủ, quy mô phát hành trái phiếu doanh nghiệp còn thấp. Tuy nhiên, trái phiếu và các công cụ nợ có thu nhập cố định là kênh dẫn vốn hiệu quả, giàu tiềm năng phát triển. Tốc độ tăng trưởng về quy mô của thị trường trái phiếu Việt Nam là cao nhất trong khu vực và thanh khoản liên tục tăng nhanh.

Cơ cấu thị trường trái phiếu hiện nay vẫn chủ yếu là các sản phẩm trái phiếu Chính phủ.



Nguồn: ADB

Cơ cấu dư nợ trái phiếu 12/2014



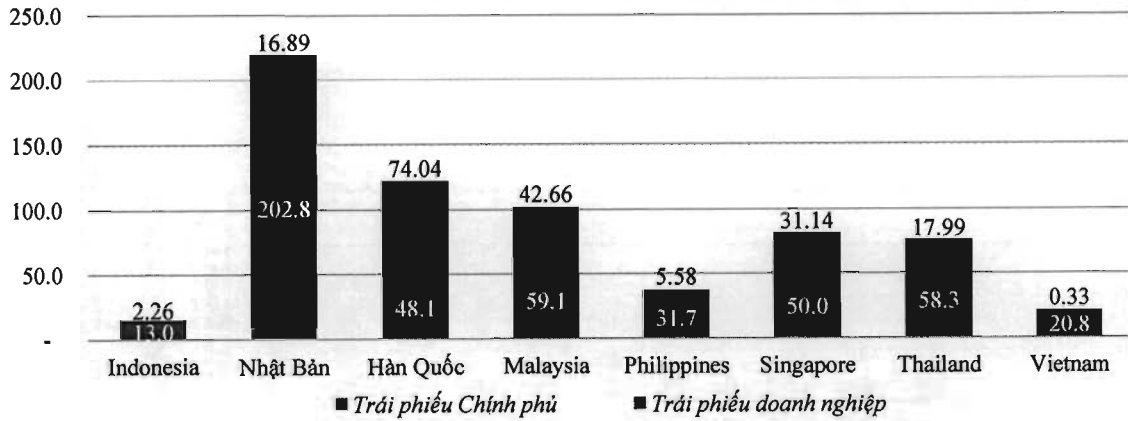
Nguồn: ADB, VBMA

Quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam tăng nhanh qua từng năm, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2004 – 2014 đạt 52%/năm. Tính tới cuối 2014, tổng dư nợ thị trường trái phiếu đạt 674 ngàn tỷ, trong đó trái phiếu Chính phủ và các trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh chiếm tỷ trọng lên tới 95%.

Quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam còn tương đối thấp so với các nước trong khu vực

Tỷ trọng dư nợ trái phiếu toàn thị trường/GDP của Việt Nam tính tới 06/2014 ước đạt trên 21%, tương đối thấp so với các nước như Thái Lan 76%, Singapore 81%, Malaysia 102%.

Tỷ trọng dư nợ trái phiếu/GDP tính tới 06/2014 (%)



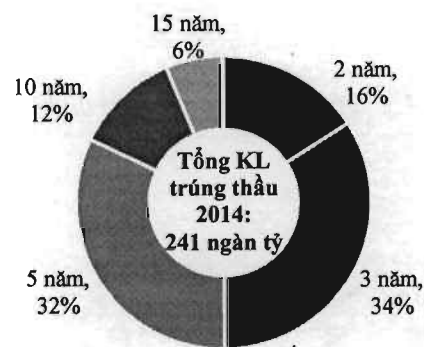
Nguồn: ADB

Mặc dù quy mô phát hành trái phiếu doanh nghiệp còn thấp, tuy nhiên trái phiếu doanh nghiệp có tiềm năng phát triển lớn do có mức sinh lời thông thường cao hơn tiền gửi, ít rủi ro hơn đầu tư vào cổ phiếu và vàng. Đây là kênh dẫn vốn đang ngày càng được các doanh nghiệp Việt Nam ưa thích lựa chọn do có nhiều lợi thế so với các sản phẩm vay tín dụng ngân hàng truyền thống. Nhà đầu tư trái phiếu doanh nghiệp hiện nay chủ yếu vẫn là các tổ chức tài chính tuy nhiên sự ra đời của các quỹ mở trái phiếu sẽ giúp nhà đầu tư cá nhân có thể tiếp cận kênh đầu tư này dễ dàng hơn.

Cấu trúc kỳ hạn của trái phiếu tập trung vào kỳ hạn 2 -5 năm.

Lượng trái phiếu trúng thầu trong những năm gần đây chủ yếu tập trung vào các kỳ hạn 2 năm đến 5 năm, chiếm khoảng 80% lượng tổng khối lượng trúng thầu hàng năm. Nguyên nhân chủ yếu do Nhà nước đẩy mạnh việc phát hành trái phiếu trong năm ở các kỳ hạn dưới 5 năm.

Tỷ lệ trúng thầu ở các kỳ hạn năm 2014



Nguồn: HNX

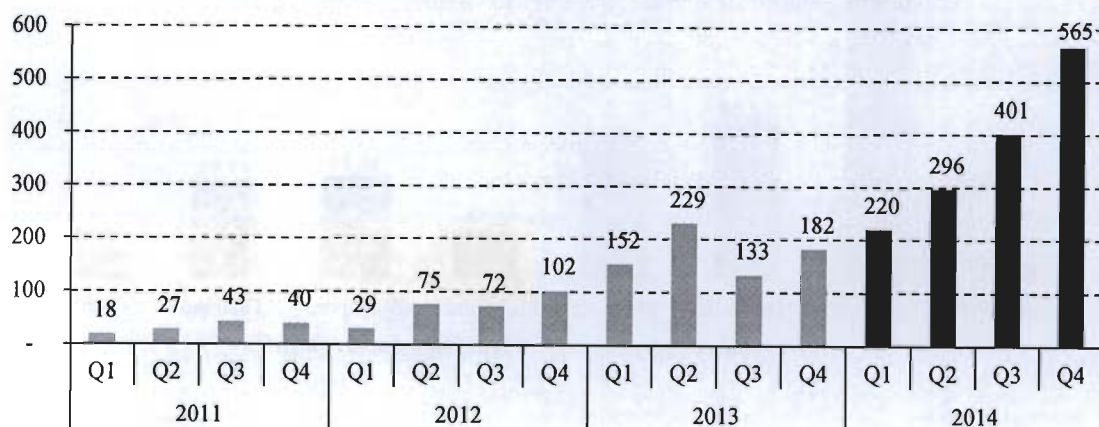
Thanh khoản thị trường trái phiếu tăng nhanh.

Quy mô giao dịch trái phiếu Chính phủ tăng mạnh, năm 2014 đạt 1.483 ngàn tỷ (tăng 113% so với 2013) một phần là do trong năm 2014 tăng trưởng tín dụng của toàn ngành ngân hàng ở mức thấp, làm cho

thanh khoản hệ thống ngân hàng tăng cao dẫn đến dòng vốn lớn chảy vào thị trường trái phiếu và khiến cho nhu cầu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ tăng mạnh.

Tốc độ tăng trưởng quy mô giao dịch trái phiếu Chính phủ bình quân đạt 126%/năm giai đoạn 2011 - 2014. Thanh khoản tăng nhanh qua các năm cho thấy thị trường trái phiếu đang trở thành kênh đầu tư ngày càng hấp dẫn.

Thống kê quy mô giao dịch trái phiếu Chính phủ (ngàn tỷ đồng)



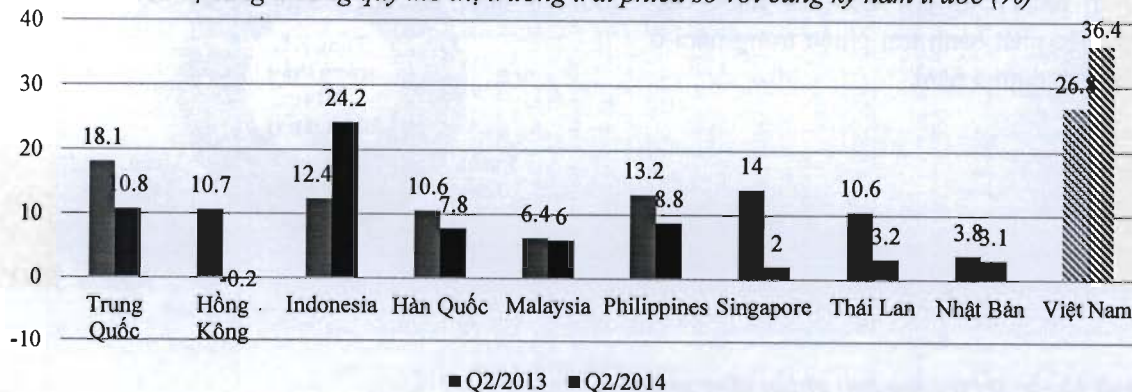
Nguồn: HNX

Tốc độ tăng trưởng của thị trường trái phiếu Việt Nam đạt mức cao nhất trong khu vực.

Nhu cầu vốn đầu tư cho nền kinh tế để đáp ứng tốc độ tăng trưởng kinh tế trong các năm tới cần được duy trì khoảng 40% GDP. Như vậy, xét về nhu cầu và xu hướng, thị trường trái phiếu Việt Nam còn rất nhiều tiềm năng phát triển.

Theo lộ trình phát triển thị trường trái phiếu của Bộ Tài chính (ban hành theo Quyết định 261/2013), mục tiêu của Chính phủ là đưa tỷ trọng dư nợ trái phiếu/GDP từ 18% năm 2011 lên mức 38% vào năm 2020.

Tốc độ tăng trưởng quy mô thị trường trái phiếu so với cùng kỳ năm trước (%)



Nguồn: ADB Asia Bond Monitor 9/2014.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

1. Các thông tin chung

- **Tên bằng tiếng Việt:** Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương
- **Tên bằng tiếng Anh:** TechcomCapital Company Limited
- **Tên viết tắt:** TechcomCapital (TCC)
- **Giấy phép thành lập:** Số 40/UBCK-GP do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 21/10/2008 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 07/GPĐC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 26/03/2013
- **Vốn điều lệ:** 40.000.000.000 đồng (bốn mươi tỷ đồng)
- **Địa chỉ đăng ký:** Tầng 10, số 191 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- **Điện thoại:** (+84) 4 39446368 **Fax:** (+84) 4 39446583

TechcomCapital thuộc sở hữu 100% của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank).

Techcombank được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tp.Hà Nội cấp lần thứ 45 ngày 26/07/2013, đăng ký cấp lại mã số doanh nghiệp lần 1 ngày 03/07/2012 từ ĐKKD số 055697 do Trọng tài kinh tế Nhà nước cấp ngày 07/09/1993.

Vốn điều lệ: 8.848.078.710.000 đồng.

Địa chỉ trụ sở chính: 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội.

2. Hội đồng thành viên

▪ Ông Hùng Anh – Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Hùng Anh có kinh nghiệm quản lý sâu rộng trong lĩnh vực ngân hàng. Ông tham gia ban điều hành của Techcombank từ năm 2004 và nắm giữ nhiều vị trí khác nhau trong Hội Đồng Quản Trị (HDQT). Ông được bầu làm Chủ tịch HDQTTechcombank kể từ tháng 5 năm 2008.

Ông Hùng Anh hiện cũng là Phó Chủ tịch HDQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, một trong những tập đoàn lớn nhất Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực sản phẩm tiêu dùng, dịch vụ tài chính và khai thác khoáng sản.

Ông Hùng Anh có bằng Kỹ sư điện tử tại Liên bang Nga.

▪ Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thành viên Hội đồng thành viên

Bà Hiền có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại các tổ chức tài chính lớn như Chinfon bank, Citibank và Techcombank. Hiện Bà là Quyền Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.

Bà Hiền tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính ngân hàng Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội và Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính ngân hàng trường Đại học Monash, Melbourne, Úc với học bổng chính phủ của Úc.

▪ Ông Đặng Lưu Dũng – Thành viên Hội đồng thành viên

Ông Dũng có trên 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, dự án tài chính, tái cơ cấu cấu trúc tài chính doanh nghiệp, đầu tư, mua bán sáp nhập, thị trường vốn, ngân hàng và quản lý quỹ. Trước khi gia nhập Techcombank vào năm 2012, ông Dũng có 5 năm kinh nghiệm làm việc tại FPT, nơi ông là một trong những người sáng lập Công ty quản lý quỹ FPT Capital và giữ chức vụ Giám đốc đầu tư rồi Tổng Giám đốc. Đáng chú ý trong khoảng thời gian này, ông đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập quỹ liên doanh Vietnam Japan Fund (với tổng tài sản 100 triệu USD) giữa FPT và SBI Holdings, sau đó ông cũng là một trong các thành viên của ban đại diện quỹ.

Trước khi làm việc tại FPT, ông Dũng đã có nhiều năm công tác tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty luật quốc tế Freshfields Bruckhaus Deringer và Ngân Hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu (GP Bank). Trong năm 2006, ông giữ vai trò chỉ đạo trong việc đàm phán mua lại 20% cổ phần GP Bank của Tập đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam .

Ông Dũng tốt nghiệp cử nhân loại ưu chuyên ngành Luật quốc tế tại Đại học Luật Hà Nội và có bằng Thạc sĩ Luật quốc tế và Kinh doanh tại Đại học Kyushu, Nhật Bản.

3. Ban điều hành

▪ Ông Đặng Lưu Dũng – Giám đốc

Ông Dũng có trên 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, dự án tài chính, tái cơ cấu cấu trúc tài chính doanh nghiệp, đầu tư, mua bán sáp nhập, thị trường vốn, ngân hàng và quản lý quỹ. Trước khi gia nhập Techcombank vào năm 2012, ông Dũng có 5 năm kinh nghiệm làm việc tại FPT, nơi ông là một trong những người sáng lập Công ty quản lý quỹ FPT Capital và giữ chức vụ Giám đốc đầu tư rồi Tổng Giám đốc. Đáng chú ý trong khoảng thời gian này, ông đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập quỹ liên doanh Vietnam Japan Fund (với tổng tài sản 100 triệu USD) giữa FPT và SBI Holdings, sau đó ông cũng là một trong các thành viên của ban đại diện quỹ.

Trước khi làm việc tại FPT, ông Dũng đã có nhiều năm công tác tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty luật quốc tế Freshfields Bruckhaus Deringer và Ngân Hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu (GP Bank). Trong năm 2006, ông giữ vai trò chỉ đạo trong việc đàm phán mua lại 20% cổ phần GP Bank của Tập đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam .

Ông Dũng tốt nghiệp cử nhân loại ưu chuyên ngành Luật quốc tế tại Đại học Luật Hà Nội và có bằng Thạc sĩ Luật quốc tế và Kinh doanh tại Đại học Kyushu, Nhật Bản.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- **Tên ngân hàng:** Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
- **Giấy phép hoạt động:** Số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008
- **GCNĐK hoạt động lưu ký:** Số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/05/2015
- **Trụ sở chính:** P1810-P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6, Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam
- **Điện thoại:** (+84) 4 3936 8000 **Fax:** (+84) 4 3938 6321

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Năm đầu tiên, công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ đề cử để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Các năm sau đó, Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Ban Đại Diện quỹ ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để lựa chọn cho Quỹ.

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách Đại lý Phân phối tại thời điểm ban đầu bao gồm:

- **Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (“TCS”)**
- **Địa chỉ:** Tầng 4,5 số 9 Tô Hiến Thành, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- **Giấy phép thành lập và hoạt động:** số 98/UBCK- GP ngày 18/09/2008 và Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- **Điện thoại:** (+84) 4 2220 1039 **Fax:** (+84) 4 2220 1032

Danh sách Đại Lý Phân phối và các Điểm Nhận Lệnh có thể thay đổi bất kỳ lúc nào sau khi hoàn thành các thủ tục thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của Pháp Luật.

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Ủy quyền đại lý chuyển nhượng

- **Tên đại lý:** Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- **Giấy phép hoạt động:** Quyết định số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- **GCNĐK hoạt động chuyển nhượng:** Quyết định số 2880/QĐ-BTC ngày 22/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- **Trụ sở chính:** 15 Đoàn Trần Nghiệp, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- **Điện thoại:** +84 4 39747113 **Fax:** +84 4 39747120

2. Ủy quyền dịch vụ quản trị quỹ đầu tư

- **Tên ngân hàng:** Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)
- **Giấy phép hoạt động:** Số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008
- **GCNĐK hoạt động lưu ký:** Số 08/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015.
- **Trụ sở chính:** P1810-P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6, Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam
- **Điện thoại:** (+84) 4 3936 8000 **Fax:** (+84) 4 3938 6321

IX. THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TECHCOM (TCBF)

1. Thông tin chung về Quỹ

- **Tên Quỹ bằng tiếng Việt:** Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom
- **Tên Quỹ bằng tiếng Anh:** Techcom Bond Fund
- **Tên viết tắt:** TCBF
- **Giấy đăng ký phát hành:**
- **Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ:**
- **Loại hình:** Quỹ mở
- **Vốn điều lệ ban đầu:** 60.653.750.000 (sáu mươi tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)
- **Thời hạn của Quỹ:** không giới hạn

2. Điều lệ Quỹ tóm tắt

2.1. Các quy định về mục tiêu đầu tư, chính sách và hạn chế đầu tư

a. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ xem xét quyết định Phù hợp với thẩm quyền được quy định trong Điều Lệ Quỹ.

b. Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy

thuộc vào nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

Quỹ chủ yếu sẽ đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành. Ngoài ra, Quỹ có thể xem xét đầu tư một tỷ trọng nhất định vào một danh mục cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên HSX và HNX.

Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

Các loại tài sản mà quỹ được đầu tư bao gồm:

- i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- ii. Ngoại tệ, Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- iii. Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- iv. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- v. Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành
- vi. Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro.
- vii. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

c. Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- i. Quỹ sẽ đầu tư vào các tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác loại trái phiếu, giấy tờ có giá với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên;
- ii. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm i, ii, iv, v và vi mục b Điều này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục 4 Điều lệ Quỹ.
- iii. Không được đầu tư quá 20,0% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- iv. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10,0% (mười phần trăm) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu chính phủ;
- v. Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm v mục b Điều này;

- vi. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- vii. Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- viii. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm
- ix. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm i và ii điểm b Điều này được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra tại ngoại trừ điểm vi, vii, viii nêu trên nhưng chỉ vì các lý do sau:

- Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với Pháp Luật của Quỹ;
- Thực hiện các lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư ;
- Các hoạt động sáp nhập, hợp nhất của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư kể trên trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp Luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát sinh sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

d. Hoạt động vay, cho vay và giao dịch kỳ quỹ

Công ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm i, mục b, Điều 2.1 nêu trên.

Công ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

Công ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

e. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống (top-down approach), trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành.

Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên (bottom-up approach) trong việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá đơn vị phát hành và các diễn biến riêng lẻ của các trái phiếu này trước tác động của khuynh hướng thị trường.

2.2. Đặc trưng của chứng chỉ quỹ TCBF

a. Nhà Đầu Tư – Quyền & Nghĩa vụ

Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước. Nhà Đầu Tư sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ.

Quyền và Nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư được quy định chi tiết tại Điều 14 của Điều Lệ Quỹ.

b. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư

Công ty Quản Lý Quỹ sẽ lập hoặc ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ có liên quan lập Sổ Chính và đại lý ký danh, nếu có, lập và quản lý Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư phụ (“Sổ Phụ”) để chứng nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Chứng Chỉ Quỹ.

Sổ Chính và Sổ Phụ phải có các thông tin chi tiết theo quy định của Điều 15 của Điều Lệ Quỹ.

c. Quyền biểu quyết của Nhà Đầu Tư

Tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong danh sách đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư. Quyền biểu quyết của Nhà Đầu Tư được quy định cụ thể tại điều 21 Điều Lệ Quỹ

d. Trường hợp hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể quỹ

Việc hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể Quỹ chỉ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật và quy định tại điều 59 và điều 60 Điều Lệ Quỹ.

3. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà Đầu Tư có thể liên tục giao dịch các Đơn Vị Quỹ kể từ Ngày Giao Dịch đầu tiên.

Nhà Đầu Tư nên tham khảo ý kiến của chuyên gia tư vấn riêng của mình để đảm bảo Nhà Đầu Tư đủ điều kiện để đầu tư vào Quỹ theo các quy định pháp luật áp dụng cho họ và liệu Quỹ có phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro của họ hay không.

3.1. Ngày giao dịch

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn vị Quỹ vào một trong các Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch được xác định như sau:

Ngày thứ Ba và ngày thứ Năm hàng tuần (tần suất giao dịch 2 lần /tuần).

Ngày Giao Dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả nghỉ bù theo quy định của pháp luật.

Việc tăng tần suất sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai và công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật. Việc tăng tần suất sẽ được báo cáo Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất kế tiếp và cập nhật trong Điều lệ của Quỹ.

Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai lần trong một tháng.

3.2. Thời điểm đóng sổ lệnh

Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho việc xử lý và chấp nhận các chứng từ cần thiết cho các lệnh mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng để thực hiện trong Ngày Giao Dịch và cho việc thanh toán các lệnh mua được quy định chi tiết như sau:

Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch ‘T’